|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức khử trùng: ........................ | Mẫu số 02/BVTV |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU/SỬ DỤNG/MUA BÁN METHYL BROMIDE

(6 tháng đầu năm 20..../hoặc năm 20....)

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

I. Tổng quát tình hình nhập khẩu/sử dụng methyl bromide.

1. Lượng methyl bromide tồn đầu của kỳ báo cáo: .............. kg

2. Lượng methyl bromide nhập khẩu trong kỳ báo cáo

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | MB được cấp phép NK | | Lượng MB nhập khẩu thực tế (kg) | Lượng MB sử dụng(kg) | Lượng MB đã bán (kg) | | Ghi chú |
| Số GP | Lượng MB (kg) |  | Tên tổ chức mua MB | Lượng MB đã bán (kg) |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Tổng | Tổng | Tổng |  | Tổng |  |

3. Lượng methyl bromide tồn cuối của kỳ báo cáo: ................kg

II. Chi tiết sử dụng methyl bromide

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khử trùng nông sản xuất khẩu** | | | **Thực hiện TCQT số 15** | | **Khử trùng hàng nhập khẩu** | | | | **Các ứng dụng khác** | | |
| Loại nông sản | Khối lượng nông sản (tấn) | Khối lượng MB (kg) | Thể tích (m3) | Khối lượng MB (kg) | Loại hàng hóa | Khối lượng hàng được xử lý (tấn) | Lý do xử lý | Khối lượng MB (kg) | Tên ứng dụng | Khối lượng được xử lý (tấn) | Khối lượng MB (kg) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng | Tổng | Tổng | Tổng |  | Tổng |  | Tổng |  | Tổng | Tổng |
| Tổng lượng MB sử dụng (kg) | |  | | | | | | | | | | |